

Số: **70** /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày **09** tháng **01** năm **2018**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng Trạm biến áp 110KV Giang Điền và đường dây đầu nối đoạn qua xã Phước Tân và xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (đợt 03)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền Địa Phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 thành phố Biên Hòa được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4664/QĐ-UBND ngày 30/12/2016;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số ~~1944~~/TTr-STNMT ngày ~~29~~...tháng ~~12~~...năm 2017.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thu hồi diện tích 624,9m<sup>2</sup> đất thuộc 06 thửa đất tại xã Phước Tân và xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa do 06 hộ gia đình, cá nhân sử dụng (có danh sách kèm theo). Giao toàn bộ diện tích đất thu hồi trên cho UBND thành phố Biên Hòa để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.

Lý do thu hồi đất: Thực hiện dự án xây dựng Trạm biến áp 110KV Giang Điền và đường dây đầu nối.

Vị trí, ranh giới và diện tích đất được xác định theo 04 tờ Trích lục và đo chính lý bản đồ địa chính khu đất số 01/BĐĐC (tờ số 1), số 05/BĐĐC (tờ số 5), số 06/BĐĐC (tờ số 6), số 07/BĐĐC (tờ số 7) tỷ lệ 1/1000 do Công ty Cổ phần tư vấn dịch vụ Đo đạc và bản đồ Tấn Phát xác lập ngày 18/9/2017, Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Đồng Nai xác nhận ngày 20/9/2017.

**Điều 2.** Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, cụ thể như sau:

1. Chủ tịch UBND xã Phước Tân và xã Tam Phước có trách nhiệm giao quyết định này cho người có đất bị thu hồi; trường hợp người có đất bị thu hồi không nhận quyết định này hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản; niêm yết quyết định này tại trụ sở UBND xã và tại nơi sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư.

2. UBND thành phố Biên Hòa có trách nhiệm thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư theo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013. Sau khi thực hiện hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng có văn bản gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chỉ đạo Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Đồng Nai cập nhật, chỉnh lý biến động và hồ sơ địa chính; Sau khi nhận được văn bản xác nhận hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng của UBND thành phố Biên Hòa thì hướng dẫn Chủ đầu tư lập thủ tục hồ sơ, thẩm định trình UBND tỉnh giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án xây dựng Trạm biến áp 110KV Giang Điền và đường dây đầu nối đoạn qua xã Phước Tân và xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa theo đúng quy định.

4. Sở Thông tin và Truyền thông đăng tải Quyết định này trên trang thông tin điện tử của UBND tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Thông tin và Truyền thông; Cục trưởng Cục thuế, Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai, Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Biên Hòa, Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh – Chi nhánh thành phố Biên Hòa, Chủ tịch UBND xã Phước Tân, Chủ tịch UBND xã Tam Phước; Tổng Công ty Điện lực miền Nam, Ban Quản lý dự án điện lực miền Nam; Các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng;
- Lưu: VT, CNN, ĐT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Võ Văn Chánh**

**DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỢP THU HỒI ĐẤT**

**Dự án Trạm Điện áp 110KV Giang Điền và đường dây đầu nối đoạn qua xã Phước Tân và xã Tam Phước, thành phố Biên Hoà (đợt 3)**  
(Kèm theo Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2018 của UBND tỉnh Đồng Nai).



| STT          | Họ và tên                                  | Số tờ | Số thửa | Diện tích đất thu hồi (m <sup>2</sup> ) | Diện tích đất bồi thường (m <sup>2</sup> ) |                        |                 |                | Đất chưa sử dụng | Ghi chú |
|--------------|--------------------------------------------|-------|---------|-----------------------------------------|--------------------------------------------|------------------------|-----------------|----------------|------------------|---------|
|              |                                            |       |         |                                         | Nông nghiệp                                |                        | Phi nông nghiệp |                |                  |         |
|              |                                            |       |         |                                         | Tổng                                       | Trong đó đất trồng lúa | Tổng            | Trong đó đất ở |                  |         |
| Xã Tam Phước |                                            |       |         |                                         |                                            |                        |                 |                |                  |         |
| 1            | Nguyễn Hữu Khoát-<br>Nguyễn Thị Thùy Hương | 2     | 220     | 59,3                                    | 59,3                                       |                        |                 |                |                  |         |
| 2            | Trần Thanh Hà                              | 2     | 27      | 59,3                                    | 59,3                                       |                        |                 |                |                  |         |
| Xã Phước Tân |                                            |       |         |                                         |                                            |                        |                 |                |                  |         |
| 3            | Đào Thị Thoại Châu                         | 44    | 24      | 204,5                                   | 204,5                                      |                        |                 |                |                  |         |
| 4            | Lê Thị Ánh Hồng                            | 45    | 45      | 56,3                                    | 56,3                                       |                        |                 |                |                  |         |
| 5            | Lâm Thị Tuyết Mai                          | 94    | 142     | 0,2                                     | 0,2                                        |                        |                 |                |                  |         |
| 6            | Phan Thành Nhân                            | 94    | 125     | 245,3                                   | 245,3                                      |                        |                 |                |                  |         |
| Tổng Cộng    |                                            |       |         | 624,9                                   | 624,9                                      |                        |                 |                |                  |         |